

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG
Số: 30/2018/TT-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng

Căn cứ Luật khí tượng thủy văn năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn chuyên dùng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng là nơi được lựa chọn theo các yêu cầu kỹ thuật chuyên môn để thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn theo mục đích riêng do Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Bộ, ngành, địa phương), tổ chức, cá nhân xây dựng, quản lý và khai thác, gồm các loại: trạm khí tượng bề mặt, trạm khí tượng nông nghiệp, trạm khí tượng trên cao, trạm ra đa thời tiết, trạm thủy văn, trạm hải văn, trạm đo mưa và các loại trạm chuyên đề khác.
2. Vị trí quan trắc khí tượng thủy văn là nơi đặt công trình, lắp đặt phương tiện đo và thực hiện quan trắc khí tượng thủy văn.
3. Công trình quan trắc khí tượng thủy văn là cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu kỹ thuật chuyên ngành để lắp đặt phương tiện đo khí tượng thủy văn và truyền thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn.
4. Phương pháp quan trắc thủ công là hoạt động đo, ghi trực tiếp giá trị của yếu tố trên phương tiện đo do con người thực hiện.
5. Phương pháp quan trắc tự động là hoạt động đo, ghi giá trị của yếu tố bằng phương tiện đo tự động và truyền phát cho người sử dụng theo nhu cầu.
6. Siêu dữ liệu là thông tin mô tả về dữ liệu gồm nội dung, định dạng, chất lượng, nguồn gốc, điều kiện và các đặc tính khác nhằm chỉ dẫn về phương thức tiếp cận, cơ quan quản lý, địa chỉ truy cập, nơi lưu trữ, bảo quản dữ liệu.
7. Cấu trúc dữ liệu là cách tổ chức dữ liệu số thể hiện sự phân cấp, liên kết của các nhóm dữ liệu.
8. Kiểu thông tin của dữ liệu là tên, kiểu giá trị và độ dài trường thông tin.
9. Phương tiện đo hay thiết bị đo là phương tiện kỹ thuật để thực hiện phép đo.

Chương II

QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

Mục 1

QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CHUYÊN DÙNG

Điều 4. Yếu tố quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng
Căn cứ quy định của pháp luật hoặc nhu cầu, mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu
Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân lựa chọn yếu tố quan trắc khí tượng thủy
văn đối với từng loại trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng, cụ thể:

1. Yếu tố quan trắc tại trạm khí tượng bề mặt:

- a) Bức xạ;
- b) Áp suất khí quyển;
- c) Gió bề mặt;
- d) Bốc hơi;
- đ) Nhiệt độ không khí;
- e) Nhiệt độ đất;
- g) Độ ẩm không khí;
- h) Mưa;
- i) Tầm nhìn xa;
- k) Thời gian nắng;
- l) Mây.

2. Yếu tố quan trắc tại trạm khí tượng nông nghiệp:

- a) Các yếu tố khí tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Nhiệt độ đất tại các lớp đất sâu, nhiệt độ nước mặt ruộng;
- c) Độ ẩm đất tại các độ sâu 5cm, 10cm, 20cm, 30cm, 40cm, 50cm, 60cm, 70cm, 80cm, 90cm và 100cm;
- d) Gió ở độ cao từ 2m đến 10m;
- đ) Nhiệt độ không khí trong quần thể cây trồng;
- e) Độ ẩm không khí trong quần thể cây trồng.

3. Yếu tố quan trắc tại trạm khí tượng trên cao:

a) Trạm thám không vô tuyến: áp suất khí quyển; nhiệt độ không khí; độ ẩm không khí; hướng gió và tốc độ gió;

b) Trạm đo gió (pilot hoặc pilotsonde): hướng gió và tốc độ gió.

4. Yếu tố quan trắc tại trạm ra đa thời tiết:

a) Trường phản hồi vô tuyến;

b) Trường gió hướng tâm.

5. Yếu tố quan trắc tại trạm thủy văn:

a) Mức nước;

b) Mưa;

c) Nhiệt độ nước;

d) Yếu tố phụ: hướng nước chảy, gió, sóng, diễn biến lòng sông;

đ) Lưu lượng nước;

e) Lưu lượng chất lơ lửng.

6. Yếu tố quan trắc tại trạm hải văn:

a) Gió bề mặt biển;

b) Tầm nhìn xa phía biển;

c) Mức nước biển;

d) Sóng biển;

đ) Trạng thái mặt biển;

e) Nhiệt độ nước biển;

g) Độ muối nước biển;

h) Sáng biển;

i) Dòng chảy biển.

7. Yếu tố quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng khác theo nhu cầu, mục đích sử dụng.

Điều 5. Mật độ trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng

1. Căn cứ yêu cầu, mục đích sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn Bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân quyết định mật độ trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

2. Mật độ trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trong một số trường hợp cụ thể như sau:

a) Khoảng cách giữa các trạm đo mưa từ 10km đến 15km đối với một trong các vùng sau: đồi núi; sườn đón gió; tổng lượng mưa năm trung bình nhiều năm từ 1.600 mm trở lên; khu vực đô thị loại III trở lên;

b) Khoảng cách giữa các trạm đo mưa từ 15km đến 20km đối với vùng trung du, đồng bằng;

c) Phục vụ tính toán lượng nước đến hồ chứa: ở lưu vực sông, suối cung cấp nước cho hồ chứa có dung tích toàn bộ từ 500.000m^3 trở lên thì bố trí từ 10km đến 15km một trạm đo mưa; ở các nhánh sông, suối chảy đến hồ chứa có diện tích lưu vực từ 100km^2 trở lên thì bố trí một trạm quan trắc lưu lượng nước;

d) Quan trắc ở vườn quốc gia: mỗi vườn quốc gia bố trí tối thiểu một trạm khí tượng; tùy theo quy mô diện tích của vườn quốc gia có thể bố trí thêm trạm khí tượng nhưng bảo đảm khoảng cách giữa các trạm từ 25km đến 30km.

Điều 6. Vị trí đặt trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng

1. Trạm khí tượng bề mặt, khí tượng nông nghiệp:

a) Phải thông thoáng, không bị các vật che chắn;

b) Đại diện cho khu vực quan trắc, kết quả quan trắc khách quan, chính xác.

2. Trạm khí tượng trên cao và ra đa thời tiết:

a) Phải thông thoáng, không bị các vật che chắn;

b) Không có vật cản đối diện một góc quá 60^0 tại điểm thả bóng thám không;

c) Các tia quét từ ra đa không bị chặn bởi địa hình; không có chướng ngại vật xuất hiện ở những góc quét lớn hơn nửa búp sóng phía trên đường chân trời.

3. Trạm thủy văn:

a) Vị trí quan trắc mực nước: bảo đảm tính đại diện cho khu vực quan trắc; quan trắc được mực nước từ thấp nhất đến cao nhất;